

Số: 31 /QĐ-DTNTTC

Tủa Chùa, ngày 2 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN TỬA CHÙA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-SGDĐT, ngày 30/12/2022 của sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa .

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Hiệu trưởng, các tổ, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên nhân viên trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT.

Hiệu trưởng



Nguyễn Văn Huynh

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số: 1489 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2021/UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức quản lý, thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- KBNN các huyện, TX;
- Lãnh đạo sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đoạt

Ký bởi Sở Giáo dục và Đào tạo
Giờ ký: 2022-12-30T14:36:14.6562432+07:00
Tỉnh Điện Biên

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Trường phổ thông DTNT THPT huyện Tủa Chùa

Mã số: 1098185

Mã KBNN nơi giao dịch: 2762

(Kèm theo Quyết định số 1489/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ Phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.717.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	12.717.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.585.000
	<i>Trong đó: đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	200.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.132.000
	<i>Trong đó:</i>	
	<i>Cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</i>	57.000
	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</i>	
	<i>Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP</i>	
	<i>Hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP</i>	
	<i>Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT</i>	
	<i>Hỗ trợ Chi phí học tập học sinh trường DTNT theo Thông tư 109</i>	675.000
	<i>Hỗ trợ HBHS DTNT theo ND 84</i>	5.400.000
	<i>Hỗ trợ kinh phí tăng giờ cho giáo viên (giai đoạn 2019-2021)</i>	

Đơn vị: 1000 đồng

CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG														
ST T	NỘI DUNG	PTDINT TỈNH	KHOÍ TRƯỞNG DINT HUYỆN	DINT HUYỆN ĐIỆN BIÊN	DINT HUYỆN TUA CHƯA	DINT HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐỒNG	DINT HUYỆN GIÁO	DINT HUYỆN MƯỜNG CHUA	DINT HUYỆN MƯỜNG NHÉ	DINT HUYỆN MƯỜNG AN	DINT HUYỆN NĂM PỐ	TRUNG TÂM GDTX TỈNH	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC	TRUNG TÂM HO TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	41	43
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		-											
1	Số thu phí, lệ phí		-											
1.1	Lệ phí													
1.2	Phí		-											
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-											
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo													
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên													
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													
2.2	Chi quản lý hành chính													
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ													
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ													
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN													
3.1	Lệ phí													
3.2	Phí													
II	Dự toán chi NSNN	21.835.000	107.218.000	13.504.000	12.717.000	12.282.000	13.299.000	12.362.000	15.866.000	14.506.000	12.682.000	3.823.000	1.426.000	3.584.000
1	Sự nghiệp Giáo dục	21.835.000	107.218.000	13.504.000	12.717.000	12.282.000	13.299.000	12.362.000	15.866.000	14.506.000	12.682.000	3.823.000	1.426.000	3.584.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.436.000	58.012.000	7.641.000	6.585.000	5.986.000	7.005.000	6.240.000	9.554.000	8.273.000	6.728.000	3.575.000	1.426.000	3.477.000
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	285.000	1.648.000	196.000	200.000	192.000	204.000	198.000	249.000	220.000	189.000	75.000	31.000	77.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.399.000	49.206.000	5.863.000	6.132.000	6.296.000	6.294.000	6.122.000	6.312.000	6.233.000	5.954.000	248.000	-	107.000
2	Sự nghiệp đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-											
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương		-											
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-											
3	Chi quản lý hành chính		-											
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		-											
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương		-											
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-											
	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKT-XH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mã chương trình: 0510		-											
4														
	Dự án 5: Phát triển năng cao chất lượng nguồn nhân lực: Mã chương trình: 0515		-											
1														
	Tiểu dự án 1: Đòi mới hoạt động cung cấp PT các trường PTDTNT, trường PTDTBT													
1.1														
1.2	Tiểu dự án 1: Xóa mù chữ cho người dân													
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình: Mã chương trình: 0521													
2														
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình													
1.1														
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1031668		1098180	1098185	1098179	1098184	1098181	1098182	1098379	1126819	1031669	1081039	1129052